TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 03/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hướng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019; Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa tại trụ sở để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST ngày 20/3/2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Trương Văn H,** sinh năm 1988, Nơi cư trú: thôn BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H1, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ Vũ Thị T và có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 21/12/2018 đế n nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Phạm Văn B,** sinh năm 1993, Nơi cư trú: Thôn HC, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng V (đã chết) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2016, Phạm Văn B bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày

26/01/2016 của Công an huyện Kinh Môn. Bị can đã thi hành xong khoản tiền phạt ngày 03/03/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 21/12/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Hộ kinh doanh Cao Văn Q

Người đại diện cho hộ kinh doanh: Anh Cao Văn Q, sinh năm 1989, địa chỉ: Khu BN 2, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

Chị Hoàng Thị T (vợ anh Cao Văn Q) là người đại diện theo ủy quyền của anh Q tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu 2, BN, MT, KM, Hải Dương. Có mặt

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: BN, MT, KM, Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/12/2018, Trương Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số: 14K8-8504 (là tài sản chung của vợ chồng) đến nhà Phạm Văn B, rủ B đến xưởng cơ khí Q T của vợ chồng chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988 và anh Cao Văn Q, sinh năm 1988 ở BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương để trộm cắp tài sản, B đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở B đến xưởng cơ khí Q T. Khi đến nơi, H và B thấy, tại trước cửa xưởng có dựng 01 tấm sàng than bằng sắt có đặc điểm: dày 02cm, kích thước 1,2x1,8cm được uốn cong hình chữ C, trong lòng tấm sàng được dập các lỗ hình chữ nhật (đã qua sử dụng và bị bục 02 lỗ bên trong) quan sát không có người trông coi. H dựng xe máy xuống rồi cùng B dùng tay bê tấm sàng than đặt lên yên xe máy. Sau đó, H điều khiển xe máy chở tấm sàng than đã trộm cắp được đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987, ở BN , thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương bán theo giá thu mua sắt vụn được số tiền 790.000 đồng rồi quay lại đón B, H đưa tiền lại cho B cầm rồi đi về nhà. Ngày 17/12/2018, Chị Hoàng Thị T đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn đã quản lý: 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 14K8-8504 (là tài sản chung của H và vợ là chị Vũ Thị T) do H tự nguyện giao nộp; Số tiền 790.000 đồng do Phạm Văn B tự nguyện giao nộp; 01 tấm sàng than bằng sắt dày 2cm, kích thước 1,2x1,8cm được uốn cong hình chữ C bên trong tấm sàng than được dập thành hình

các lỗ chữ nhật dạng lưới, bên trong lòng tấm sàng bị bục 02 lỗ, sàng đã qua sử dụng do anh Phạm Văn Q giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kinh Môn, kết luận: 01 tấm sàng than bằng sắt dày 02cm, kích thước 1,2x1,8cm có trị giá 4.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trương Văn H và Phạm Văn B đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT - VKSKM ngày 26/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Trương Văn H và Phạm Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại theo ủy quyền là chị Hoàng Thị T vắng mặt, quá trình điều tra chị Thủy không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T xác định chiếc xe bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp là tài sản chung vợ chồng. Chị không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp, chị đề nghị HĐXX trả lại cho chị ½ giá trị chiếc xe.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạmtội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn H và Phạm Văn B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với 2 bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo B.

Xử phạt Trương Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, 21/12/2018.

Xử phạt Phạm Văn B từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, 21/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, bị cáo B đã bồi hoàn số tiền 790.000đ cho anh Phạm Văn Q nên các bị cáo không bị buộc có trách nhiệm bồi thường dân sự.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn H, Phạm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, những lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp khách quan với những tài liệu, chứng cứ khác như biên bản quản lý tài sản, biên bản định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng hơn 12 giờ ngày 17/12/2018, tại Hộ kinh doanh Cao Văn Q ở khu Bính Nhôi, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương; lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Trương Văn H và Phạm Văn B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Hộ kinh doanh Cao Văn Q 01 tấm sàng than bằng sắt dày 2 cm, kích thước 1,2 x 1,8 cm, trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 4.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm, trong đó bị cáo Trương Văn H là kẻ chủ mưu, khởi xướng, sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đã trực tiếp mang tài sản do phạm tội mà có đi tiêu thụ nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phạm Văn B là người thực hành, bị cáo cùng với bị cáo H thực hiện hành vi lấy tài sản, trực tiếp quản lý toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để tiêu xài.

Hành vi phạm tội các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo B năm 2011, 2017 đã hai lần đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Hải Dương, năm 2016 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền.

Do vậy, cần xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo để trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và mang tính răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo B thực hiện hành vi với vai trò là người giúp sức, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, Bị hại là Hộ kinh doanh Cao Văn Q đã nhận lại tài sản. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền cho Hộ kinh doanh Cao Văn Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987, sinh quán: Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; tạm trú: Khu BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương là người mua tấm sàng than của bị cáo H với giá 790.000đồng. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo B đã bồi thường cho anh Q số tiền 790.000đồng, anh Q đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 14K8 – 8504 là phương tiện bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H và vợ là Vũ Thị T đều xác định chiếc xe được vợ chồng mua vào khoảng năm 2010 của một người ở thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và là tài sản chung của vợ chồng, sau khi mua xe chưa làm thủ tục sang tên, quá trình sử dụng đã bị mất đăng ký xe. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 14K8 – 8504 có số máy: HC09E-5123320; số khung HC09005Y545198, đứng tên đăng lý lần đầu là của anh Hà Huy Đức, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 18A, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, quá trình điều tra xác minh, anh Đức xác định không mua, không sử dụng chiếc xe nào có đặc điểm nêu trên. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không nằm trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Như vậy, có cơ sở xác định chiếc xe mô tô trên được vợ chồng bị cáo

mua trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H. Chị T không biết bị cáo H sử dụng xe vào việc phạm tội, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị xin lại ½ giá trị chiếc xe. Do vậy cần tịch thu, phát mại chiếc xe mô tô này, ½ giá trị chiếc xe phần của bị cáo H tịch thu sung vào công quỹ nhà nước, ½ giá trị chiếc xe phần của chị T (vợ bị cáo H) trả lại cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 790.000đồng thu giữ của bị cáo B, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Toàn bộ số tiền 790.000đồng do bị cáo B sử dụng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, gia đình bị cáo B đã hoàn trả cho anh Phạm Văn Q số tiền 790.000đồng, tại phiên tòa bị cáo B đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo số tiền đã thu giữ. Do bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho anh Q, nên cần thiết phải trả cho bị cáo số tiền 790.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987, sinh quán: Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; tạm trú: Khu BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương là người mua tấm sàng sắt của bị cáo H. Trong quá trình điều tra làm rõ, khi mua anh Q không biết tài sản do bị cáo H phạm tội mà có nên Công an huyện Kinh Môn không xử lý là phù hợp.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với 02 bị cáo; Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B;

- Căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Căn cứ: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Tuyên bố:* Bị cáo Trương Văn H, Phạm Văn B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- *Áp dụng hình phạt chính:*

Xử phạt: Trương Văn H 10 (mười) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/12/2018.

Xử phạt: Phạm Văn B 08 (tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/12/2018.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu phát mại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 14K8 – 8504 có số máy: HC09E-5123320; số khung HC09005Y545198; ½ giá trị chiếc xe tịch thu sung

vào công quỹ nhà nước; ½ giá trị chiếc xe trả lại cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1988, địa chỉ: khu BN, thị trấn MT, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

+ Trả lại bị cáo Phạm Văn B số tiền 790.000đồng (số tiền 790.000 đồng hiện đang bị thu giữ và quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2019)..

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/4/2019 giữa Công an huyện Kinh Môn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn).

- *Án phí:* Các bị cáo Trương Văn H, Phạm Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại, có mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan biết được quyền kháng cáo đối với phần quyền lợi liên quan trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Hải Dương;
- VKS nhân dân huyện Minh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi – CA tỉnh HD;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh